

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	15%	0%	0%	15%	0%	0%	55%				
1	112230500	NGUYỄN ĐỨC CUỜNG	K14KTR1	5		5			4			0	0.0	Không		
2	122230592	LÊ NGỌC KHÁNH	K14KTR1	1		0			5			HP	0.0	Không	NỢ HP	
3	132234818	PHAN ANH ĐÀO	K14KTR1	7		4			5			3.5	0.0	Không		
4	132234893	NGUYỄN QUANG SÁNG	K14KTR1	8		3			6.5			4	4.8	Bốn phẩy Tám		
5	132234899	HOÀNG CHIẾN THẮNG	K14KTR1	9		7			6			4	5.5	Năm phẩy Năm		
6	132234933	TRỊNH HỒNG TUẤN	K14KTR1	6		5			5			4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
7	142231377	KIỀU HUỖNH HẠNH CHÂU	K14KTR1	2		5			6			4	4.2	Bốn phẩy Hai		
8	142231379	NGUYỄN VĂN CHÍNH	K14KTR1	9		7			5			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
9	142231384	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	K14KTR1	7		5			8			1	0.0	Không		
10	142231389	HOÀNG QUANG DƯƠNG	K14KTR1	2		7			0			0	0.0	Không		
11	142231391	LÊ TÚ LINH GIANG	K14KTR1	10		7			8.5			8.5	8.5	Tám phẩy Năm		
12	142231396	NGUYỄN MẬU HOÀNG	K14KTR1	7		0			6.5			4	4.2	Bốn phẩy Hai		
13	142231398	NGUYỄN KHÁNH HƯNG	K14KTR1	5		5			5			2	0.0	Không		
14	142231400	NGUYỄN Đ?NH HUY	K14KTR1	6		5.5			6			0	0.0	Không		
15	142231405	ĐÌNH NGỌC LAM	K14KTR1	4		8			7			1	0.0	Không		
16	142231406	PHAN THỊ MỸ LINH	K14KTR1	10		7			9			5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
17	142231414	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	K14KTR1	10		5			7			5	6.1	Sáu phẩy Một		
18	142231417	NGUYỄN CÔNG NGÀ	K14KTR1	7		7			5			5	5.6	Năm phẩy Sáu		
19	142231421	HỒ THỊ TUYẾT NHI	K14KTR1	9		8			7.5			0	0.0	Không		
20	142231425	THÂN TRỌNG PHONG	K14KTR1	10		7			8			8	8.2	Tám phẩy Hai		
21	142231431	NGÔ QUANG TÂM	K14KTR1	10		9.5			7			7	7.8	Bảy phẩy Tám		
22	142231434	NGUYỄN QUANG THÁI	K14KTR1	8		5			7			4.5	5.5	Năm phẩy Năm		
23	142231440	NGUYỄN THANH THIÊN	K14KTR1	8		5			0			4	4.2	Bốn phẩy Hai		
24	142231442	NGUYỄN KIM THỊNH	K14KTR1	2		6.5			5			0	0.0	Không		
25	142231448	HOÀNG TRỊ	K14KTR1	8		5			5			5	5.5	Năm phẩy Năm		
26	142231451	NGUYỄN ĐỨC ANH TRUNG	K14KTR1	6		0			6			V	0.0	Không		
27	142234502	NGUYỄN VĂN QUỐC ÂN	K14KTR1	7		7			7			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
28	142234511	HUỖNH CÔNG KHÁNH	K14KTR1	6		7			7			5	5.8	Năm phẩy Tám		
29	142234512	LÊ HOÀNG LONG	K14KTR1	2		0			6.5			4	3.5	Ba phẩy Năm		
30	142234513	ĐẶNG VŨ BÁ MINH	K14KTR1	10		5			5			1.5	0.0	Không		
31	142234518	PHAN VĂN THÁI TRUNG	K14KTR1	10		5			6			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
32	142234540	NGUYỄN MẠNH CUỜNG	K14KTR1	8		6.5			5			7.5	7.1	Bảy phẩy Một		
33	142234550	NGUYỄN NGỌC TUẤN	K14KTR1	10		7.5			6			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
34	142234582	HOÀNG HẢI	K14KTR1	10		7			6.5			4	5.7	Năm phẩy Bảy		

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	15%	0%	0%	15%	0%	0%	55%				
35	142234585	PHẠM QUANG	HUY	K14KTR1	9		5			6			8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
36	142234598	NGUYỄN THỊ	THU	K14KTR1	9		8			9			0	0.0	Không	
37	142234867	MAI THỊ HỒNG	QUYÊN	K14KTR1	10		8			7.5			5.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
38	112260530	DƯƠNG QUANG	HUY	K14KTR2	2		6.5			7.5			0	0.0	Không	
39	132234807	PHAN NGUYỄN	ANH	K14KTR2	10		7			7			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
40	132234824	PHẠM XUÂN	ĐỨC	K14KTR2	8		6			7			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
41	132234841	V? V ẮN	HẠNH	K14KTR2	0		0			0			0	0.0	Không	
42	132234884	CHU VĂN	PHUỐC	K14KTR2	9		5			7			5	5.9	Năm phẩy Chín	
43	132234946	KIỀU XUÂN	CUÔNG	K14KTR2	8		4			7.5			0	0.0	Không	
44	142231376	HUỲNH VŨ	CA	K14KTR2	8		6			6.5			8.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
45	142231378	TRẦN THỊ QUỲNH	CHÂU	K14KTR2	5		7.5			6.5			4	5.1	Năm phẩy Một	
46	142231385	TRẦN PHAN MINH	ĐỨC	K14KTR2	9		7			7.5			5	6.3	Sáu phẩy Ba	
47	142231402	NGUYỄN HOÀNG LONG	KHÁNH	K14KTR2	9		7			7.5			7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
48	142231409	BÙI Đ?NH	LỢI	K14KTR2	7		7			8.5			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
49	142231412	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	K14KTR2	10		8.5			6.5			9.5	9.0	Chín	
50	142231415	NGUYỄN TRỌNG THÀNH NAM		K14KTR2	8		5.5			6			2.5	0.0	Không	
51	142231419	TRẦN XUÂN	NGHĨA	K14KTR2	6		6			6			5	5.5	Năm phẩy Năm	
52	142231420	HOÀNG NGỌC TUẤN	NHÂN	K14KTR2	3		0			6.5			6.5	5.0	Năm	
53	142231432	NGUYỄN NHẬT	TÂN	K14KTR2	9		7			6			4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
54	142231444	TRẦN CÔNG	THỦ	K14KTR2	9		6			7			4	5.5	Năm phẩy Năm	
55	142231446	TRƯƠNG LÊ	TOÀN	K14KTR2	9		7			8			5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
56	142231452	NGUYỄN HIỀN	TRUNG	K14KTR2	3		4			7			5.5	5.1	Năm phẩy Một	
57	142231455	LÊ NGỌC	TUẤN	K14KTR2	8		5			6			4	5.1	Năm phẩy Một	
58	142231457	BÙI SƠN	TÙNG	K14KTR2	10		8.5			8			9	8.9	Tám phẩy Chín	
59	142231460	PHAN PHƯỚC	TƯỜNG	K14KTR2	8		5			7			5	5.8	Năm phẩy Tám	
60	142231471	V? ĐẠI	VINH	K14KTR2	4		5			6			0	0.0	Không	
61	142233206	PHAN NGỌC TÚ	QUỲNH	K14KTR2	7		7.5			7			1.5	0.0	Không	
62	142234504	NGUYỄN ĐỨC	CÔNG	K14KTR2	6		5.5			6			8	7.0	Bảy	
63	142234505	HUỲNH THỊ	DIỄM	K14KTR2	10		8			6.5			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
64	142234506	PHAN THÁI	DƯƠNG	K14KTR2	9		5			6			V	0.0	Không	
65	142234543	LÊ THỊ BÍCH	HUỆ	K14KTR2	10		8			6.5			7	7.5	Bảy phẩy Năm	
66	142234546	V? ĐỖ HỒNG	QUÂN	K14KTR2	10		6			7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
67	142234580	LÊ QUỐC	ÂN	K14KTR2	9		7			6			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
68	142234587	LÊ TRỌNG	LONG	K14KTR2	7		6.5			5.5			5	5.6	Năm phẩy Sáu	
69	142234590	DIỆP CÔNG	NO	K14KTR2	10		7			5			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	15%	0%	0%	15%	0%	0%	55%				
70	142234592	PHẠM NGỌC	QUYẾT	K14KTR2	9		4			5			6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
71	142234600	TRƯƠNG VĂN	VUÔNG	K14KTR2	10		7			5.5			7	7.2	Bảy phẩy Hai	
72	142234646	HÀ THỊ TRÀ	MY	K14KTR2	7		7			6			4	5.2	Năm phẩy Hai	
73	142234650	TRẦN Đ?NH	VŨ	K14KTR2	9		6.5			7			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
74	142234799	PHAN VĂN	THẮNG	K14KTR2	9		7			6.5			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
75	122230640	NGUYỄN TÂN	TÀI	K14KTR3	5		5			5			6.5	5.8	Năm phẩy Tám	
76	142231374	PHAN ĐỨC	ANH	K14KTR3	9		6			6			7	7.0	Bảy	
77	142231380	ĐẶNG HỮU	CUÔNG	K14KTR3	5		7.5			7			7	6.8	Sáu phẩy Tám	
78	142231382	HUỲNH VĂN	DỰ	K14KTR3	6		6			6			5	5.5	Năm phẩy Năm	
79	142231387	ĐÌNH ANH	DŨNG	K14KTR3	9		8			7			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
80	142231394	LÊ NGUYỄN VĂN	HAPPY	K14KTR3	6		0			7			6.5	5.5	Năm phẩy Năm	
81	142231403	TRẦN Đ?NH VŨ	KHÁNH	K14KTR3	9		7			6			8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
82	142231410	CAO NGỌC	LONG	K14KTR3	5		8			5			7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
83	142231418	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	K14KTR3	10		7.5			6			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
84	142231426	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	K14KTR3	8		8			8			7	7.5	Bảy phẩy Năm	
85	142231428	TRƯƠNG PHÚ	QUÍ	K14KTR3	8		0			6			5	4.9	Bốn phẩy Chín	
86	142231430	TRẦN NGỌC	TÀI	K14KTR3	6		5			7			4	4.9	Bốn phẩy Chín	
87	142231433	TRẦN PHI	THÀNH	K14KTR3	6		6			6			3.5	0.0	Không	
88	142231443	NGUYỄN VĂN	THƠ	K14KTR3	0		0			0			HP	0.0	Không	NỢ HP
89	142231445	TRẦN Đ?NH	TIẾN	K14KTR3	9		6			7			7	7.2	Bảy phẩy Hai	
90	142231450	LÊ HOÀNG	TRỌNG	K14KTR3	6		6.5			7			6	6.2	Sáu phẩy Hai	
91	142231456	PHẠM VĂN	TUẤN	K14KTR3	10		5			6			7	7.0	Bảy	
92	142231458	LÊ CÔNG	TÙNG	K14KTR3	7		6			7			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
93	142231461	NGUYỄN THỊ NHẬT	UYÊN	K14KTR3	9		7			8			9	8.6	Tám phẩy Sáu	
94	142231462	LƯƠNG HÙNG	VUÔNG	K14KTR3	7		8			8			6.5	7.0	Bảy	
95	142231467	ĐỖ HOÀNG	VUÔNG	K14KTR3	5		6			7			7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
96	142234503	PHAN THÀNH	TRUNG	K14KTR3	6		7			7			7	6.9	Sáu phẩy Chín	
97	142234507	HUỲNH THỊ CẨM	HÀ	K14KTR3	9		6			8			9	8.4	Tám phẩy Bốn	
98	142234509	TRẦN THỊ KIM	HƯỜNG	K14KTR3	10		8			6.5			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
99	142234514	TRẦN VĂN	NHỰT	K14KTR3	3		7.5			7			4	4.8	Bốn phẩy Tám	
100	142234517	PHAN HOÀNG	THIỆN	K14KTR3	8		5			7			4.5	5.5	Năm phẩy Năm	
101	142234539	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	K14KTR3	10		8			8			8	8.3	Tám phẩy Ba	
102	142234542	NGUYỄN CÔNG	HOAN	K14KTR3	7		0			6			6	5.3	Năm phẩy Ba	
103	142234544	TRẦN DUY	MẠNH	K14KTR3	7		7			6			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
104	142234581	ĐẶNG THỊ	ĐÀO	K14KTR3	10		5			7			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	15%	0%	0%	15%	0%	0%	55%				
105	142234594	PHẠM THỊ DI SA	K14KTR3	8		7			6			9	8.1	Tám phẩy Một		
106	142234596	PHAN THỊ THU THẢO	K14KTR3	9		7			8			9	8.6	Tám phẩy Sáu		
107	142234643	ĐÌNH NAM CA	K14KTR3	8		6			7			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
108	142234953	NGUYỄN NAM PHÁI	K14KTR3	7		6			6			5	5.6	Năm phẩy Sáu		
109	142234955	NGUYỄN ANH TUẤN	K14KTR3	6		7			7			4	5.2	Năm phẩy Hai		
110	4888	HOÀNG VĂN QUANG	K13KTR1	1		0			8.5			5.5	4.5	Bốn phẩy Năm	16645/333	
1	4909	NGUYỄN CÔNG THẢO	K13KTR1	5		6			5			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn	17285/346	
2	4918	ĐÀO XUÂN TIẾN	K13KTR1	7		7			7.5			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	15841/317	
3	4935	LŨ THANH TÙNG	K13KTR1	7		7.5			7.5			6	6.6	Sáu phẩy Sáu	15842/317	
4	4806	NGUYỄN THẾ ANH	K13KTR2	5		6			7			6	6.0	Sáu	16797/336	
5	4809	VŨ DUY BẢO	K13KTR2	6		0			5			5	4.4	Bốn phẩy Bốn	15509/311	
6	4838	NGUYỄN LONG HẢI	K13KTR2	2		8			7			0.5	0.0	Không	46039	
7	4843	NGUYỄN THANH HIỀN	K13KTR2	5		7			5			6.5	6.1	Sáu phẩy Một	15547/311	
8	4850	DƯƠNG VIỆT HÙNG	K13KTR2	4		6			7			4	4.8	Bốn phẩy Tám	15814/317	
9	4857	NGUYỄN MINH KHÔI	K13KTR2	5		0			5.5			5.5	4.6	Bốn phẩy Sáu	22258	
10	4904	NGUYỄN QUANG THANH	K13KTR2	4		0			5.5			3	0.0	Không	17989/360	
11	0536	V? CÔNG ĐỊNH	K13KTR2	4		0			6.5			3.5	0.0	Không	22839	
12	4858	NGUYỄN GIANG KHÚC	K13KTR3	3		0			4			6	4.4	Bốn phẩy Bốn	24364	
13	4871	NGUYỄN TRỌNG LONG	K13KTR3	5		5			7			6	5.9	Năm phẩy Chín	15818/317	
14	4887	TRẦN VĂN QUÂN	K13KTR3	10		6			7			6.5	7.0	Bảy	15349/317	
15	4896	BÙI THỊ KIỀU LY	K13KTR3	9		6			8			8.5	8.1	Tám phẩy Một	15667/314	
16	4919	VŨ VĂN TIẾN	K13KTR3	4		5			6			4	4.5	Bốn phẩy Năm	15682/314	
17	4927	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	K13KTR3	5		0			7			4	4.0	Bốn	15656/314	
18	4944	TRƯƠNG QUANG ANH	K13KTR3	3		0			7			6	4.8	Bốn phẩy Tám	15670/314	